

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2018/HNGĐ – ST**

Ngày: 04-5-2018

"V/v: ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Mạnh Dũng;

2/ Ông Nguyễn Đăng Bảy;

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 64/2018/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 04 năm 2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị H, sinh năm: 1993

HKTT: Thôn 1, xã L, huyện Ph, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Danh T, sinh năm: 1993

HKTT: Thôn 1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Ngô Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Danh T tự nguyện chung sống vào năm 2011, tiến hành đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2013, ký ngày 20 tháng 5 năm 2013. Trong thời gian chung sống anh

Nguyễn Danh T thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, kiếm chuyện chửi mắng và không thăm nom, chăm sóc mẹ con sau khi chị sinh nở. Trong thời gian chị ở cử anh Nguyễn Danh T không quan tâm, chăm sóc mà còn kiếm chuyện mắng chửi và còn có ý định ly hôn. Đến khi con được khoảng 5 tháng tuổi thì chị về nhà mẹ đẻ sinh sống được 03 năm, sau đó anh Nguyễn Danh T có đến xin lỗi và quay về đoàn tụ được một thời gian anh Nguyễn Danh T lại chứng nào tật nấy. Đến tháng 5 năm 2017 chị và anh Nguyễn Danh T đã sống ly thân cho đến nay. Xét thấy tình cảm giữa chị và anh Tuấn đã hết, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị làm đơn đề nghị Toà án nhân dân huyện B cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Danh T.

- Về nuôi con chung: Chị và anh Nguyễn Danh T có 02 con chung tên là Nguyễn Hồng Nh sinh ngày 14 tháng 12 năm 2013 và Nguyễn Thanh B sinh ngày 17 tháng 4 năm 2016. Nguyên vọng của chị sau khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và yêu cầu anh Nguyễn Danh T cấp dưỡng là 1 triệu/ 1 tháng/ 1 cháu.

Tại phiên tòa chị xin rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Chị và anh Nguyễn Danh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Trong quá trình xét xử, bị đơn anh Nguyễn Danh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời khai của chị Ngô Thị H về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn. Khi chung sống với nhau vợ chồng anh có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Giữa vợ chồng anh nhiều lần ly thân rồi lại hoà hợp đoàn tụ đúng như lời khai của chị Ngô Thị H. Sau lần đoàn tụ gần đây nhất thì mâu thuẫn xảy ra, đỉnh điểm nhất là khi chị Hương sinh đứa thứ hai, anh nghi ngờ chị Ngô Thị H ngoại tình, anh nhiều lần khuyên nhủ chị Ngô Thị H cắt đứt liên lạc với người đó nhưng chị Ngô Thị H không nghe mà vẫn nhắn tin, gọi điện. Trong lúc tức giận anh có đánh chị Ngô Thị H một cái rồi hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay vợ chồng anh không còn tình cảm, anh đồng ý ly hôn với chị Ngô Thị H.

- Về nuôi con chung: Anh thống nhất với lời khai của chị Ngô Thị H, anh có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Hồng Nh và không yêu cầu Toà án xem xét việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Anh và chị Ngô Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị H.

Về nuôi con chung: Căn cứ Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 giao cháu Nguyễn Hồng Nh và cháu Nguyễn Thanh B cho chị Ngô Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa, chị Ngô Thị H xin rút yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản chung: Chị Ngô Thị H và anh Nguyễn Danh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Các tài liệu, chứng cứ:

- Giấy chứng nhận kết hôn bản chính số 19/2013, ký ngày 20/5/2013 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Hồng Nh (bản photo chứng thực) và giấy khai sinh mang tên Nguyễn Thanh B (bản photo chứng thực); Sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân mang tên Ngô Thị H (bản photo chứng thực)

- Bản tự khai của nguyên đơn chị Ngô Thị H;

- Bản tự khai của bị đơn Nguyễn Danh T;

- Biên bản đối chất ngày 02-4-2018;

- Giấy ủy quyền đất rẫy ngày 28-9-2011 (bản photo);

- Giấy bán xe ngày 21-12 (bản photo);

- Giấy cho đất ngày 01-6-2013 (bản photo);

- Giấy cho nhà đất lập ngày 30-3-2018 (bản gốc)

- Hợp đồng tặng cho lập ngày 02-5-2018 giữa Ngô Văn L, Nguyễn Thị N và Ngô Thị H (bản photo) (nộp tại phiên tòa)

Tình tiết nguyên đơn, bị đơn thống nhất:

- Đều thống nhất tự nguyện chung sống vào năm 2011, tiến hành đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2013, ký ngày 20 tháng 5 năm 2013;

- Thống nhất có 02 con chung tên là Nguyễn Hồng Nh sinh ngày 14 tháng 12 năm 2013 và Nguyễn Thanh B sinh ngày 17 tháng 4 năm 2016;

- Thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung và nợ chung;

Tình tiết nguyên đơn, bị đơn không thống nhất:

- Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng;

- Về yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị H và anh Nguyễn Danh T khai nhận anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 20 tháng 5 năm 2013. Lời khai của chị Ngô Thị H và anh Nguyễn Danh T phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (Bút lục số 06). Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch”. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị H và Nguyễn Danh T là hợp pháp.

[2] Về yêu cầu giải quyết ly hôn: Về mâu thuẫn gia đình chị Ngô Thị H và anh Nguyễn Danh T cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng xuất phát từ những nguyên nhân khác nhau. Tuy nhiên, anh Nguyễn Danh T và chị Ngô Thị H đều thừa nhận anh chị nhiều lần sống ly thân và quay về đoàn tụ lại, nhưng không mang lại hạnh phúc cho nhau và không khắc phục được mâu thuẫn. Hiện nay chị Ngô Thị H và anh Nguyễn Danh T đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay. Anh Nguyễn Danh T và chị Ngô Thị H đều yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của anh Nguyễn Danh T và chị Ngô Thị H.

[3] Về nuôi con chung: Chị Ngô Thị H và anh Nguyễn Danh T khai nhận có 02 con chung tên là Nguyễn Hồng Nh, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2013 và cháu Nguyễn Thanh B sinh ngày 17 tháng 4 năm 2016. Lời khai của chị Ngô Thị H và anh Nguyễn Danh T phù hợp với giấy khai sinh đứng tên Nguyễn Hồng Nh và Nguyễn Thanh B đã được giao nộp hợp pháp. Khoản 1 Điều 88 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng” nên có đủ cơ sở xác định cháu Nguyễn Hồng Nh và cháu Nguyễn Thanh B là con chung của chị Ngô Thị H và anh Nguyễn Danh T.

Đối với yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung: Đối với cháu Nguyễn Thanh B sinh ngày 17 tháng 4 năm 2016 đến nay vẫn chưa đủ 36 tháng tuổi. Khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con” nên

có đủ cơ sở xác định giao cháu Nguyễn Thanh B cho chị Ngô Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với cháu Nguyễn Hồng Nh mới 05 tuổi cần sự chăm sóc, trông nom trực tiếp thường xuyên của cha hoặc mẹ. Xét thấy, chị Ngô Thị H và anh Nguyễn Danh T đều có thu nhập ổn định, có các điều kiện để đảm bảo cháu Nguyễn Hồng Nh phát triển tốt. Tuy nhiên, anh Nguyễn Danh T thừa nhận trong thời gian sống ly thân anh Nguyễn Danh T không thăm nuôi con chung vi phạm quyền, nghĩa vụ của người cha quy định tại Điều 69 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Mặt khác, anh Nguyễn Danh T thừa nhận anh Nguyễn Danh T đã nhốt cháu Nguyễn Hồng Nh trong rẫy, gia đình anh Nguyễn Danh T phải trình báo Công an xã mới mang cháu Nguyễn Hồng Nh về nhà được khiến cháu Nguyễn Hồng Nh hoảng sợ, ức chế về tâm lý. Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Nguyễn Hồng Nh theo quy định vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình cần giao cháu Nguyễn Hồng Nh cho chị Ngô Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Danh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị Ngô Thị H xin rút yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Danh T không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung: Chị Ngô Thị H và anh Nguyễn Danh T tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định “Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Do đó, nguyên đơn chị Ngô Thị H phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của anh Nguyễn Danh T và chị Ngô Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Hồng Nh sinh ngày 14 tháng 12 năm 2013 và cháu Nguyễn Thanh B sinh ngày 17 tháng 4 năm 2016 cho chị Ngô Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Danh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Danh T và chị Ngô Thị H không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

3. Về chia tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

4. Về nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Ngô Thị H phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 00216808 ngày 07 tháng 3 năm 2018 (đã nộp xong).

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04-5-2018)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND h.Bù Đăng;
- Chi cục THADS h.Bù Đăng;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh

